|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG THPT NGÔ GIA TỰ**TỔ: LỊCH SỬ - ĐỊA LÍ - GDKTPL** | **MA TRẬN, BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 2****NĂM HỌC 2024-2025****MÔN: ĐỊA LÍ – KHỐI 10****Thời gian làm bài: 45 phut** |

**1. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/****chủ đề** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Tỉ lệ****% điểm** |
| **TNKQ nhiều LC** | **TNKQ đúng - sai** | **TNKQ trả lời ngắn** | **Tự luận** |
| **Biết** | **Hiểu** | **VD** | **Biết** | **Hiểu** | **VD** | **Biết** | **Hiểu** | **VD** | **Biết** | **Hiểu** | **VD** |
| 1 | **Chủ đề 1.** Địa lí dân cư | Quy mô dân số, gia tăng dân số và cơ cấu dân số thế giới  | 5 |  |  | 2 | 1 | 1 |  | 3 |  |  |  |  | **30** |
| Phân bố dân cư và đô thị hóa |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | **Chủ đề 2 Các nguồn lực, một số tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế** | Các nguồn lực phát triển kinh tế | 2 |  |  | 2 | 1 | 1 |  | 1 |  |  |  |  | 17,5 |
| Cơ cấu kinh tế, tổng sản phẩm trog nước và tổng thu nhập quốc gia |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | **Chủ đề 3 Địa lí ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản** | Vai trò, đặc điểm, các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản | 5 |  |  |  |  |  |  | 4 |  |  |  |  | 52,5 |
| Địa lí ngành nông nghiệp |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 1 | 1 |  |
| Địa lí ngành lâm nghiệp và ngành thủy sản |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng số câu** | 12 |  |  | 4 | 2 | 2 |  | 8 |  |  | 1 | 1 | 30 |
| **Tổng số điểm** | 3 |  |  | 1 | 0,5 | 0,5 |  | 2 |  |  | 1 | 2 | 10  |
| **Tỉ lệ %** | **30%** |  **20%** | **20%** | **30%** | **100%** |

**2.** **BẢNG ĐẶC TẢ MA ĐỀ KIỂM TRA**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/****bài** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Đặc tả** | **Mức độ đánh giá** | **Tỉ lệ % điểm** |
| **TNKQ nhiều lựa chọn** | **TNKQ đúng - sai** | **TNKQ trả lời ngắn** | **Tự luận** |
| **Biết** | **Hiểu** | **VD** | **Biết** | **Hiểu** | **VD** | **Biết** | **Hiểu** | **VD** | **Biết** | **Hiểu** | **VD** |
| 1 | **Địa lí dân cư** | -Dân số và sự phát triển dân số trên thế giới- Gia tăng dân số- Cơ cấu dân số- Phân bố dân cư- Đô thị hoá  | **Nhận biết**- Trình bày được đặc điểm và tình hình phát triển dân số trên thế giới.- Trình bày được các loại cơ cấu dân số: cơ cấu sinh học (tuổi và giới), cơ cấu xã hội (lao động, trình độ văn hoá).- Trình bày được khái niệm Đô thị hoá- Trình bày được khái niệm về gia tăng dân số thực tế.**Thông hiểu**- Phân biệt được gia tăng dân số tự nhiên (tỉ suất sinh, tỉ suất tử) và cơ học (xuất cư, nhập cư); - Phân tích được các nhân tố tác động đến gia tăng dân số.- Phân tích được tác động của các nhân tố tự nhiên, kinh tế - xã hội đến phân bố dân cư.- Phân tích được các nhân tố tác động đến đô thị hoá và ảnh hưởng của đô thị hoá đến sự phát triển kinh tế - xã hội và môi trường.**Vận dụng** - Vẽ được biểu đồ về dân số (quy mô, động thái, cơ cấu).- So sánh được các loại tháp dân số tiêu biểu. - Phân tích được biểu đồ, số liệu thống kê về dân số; xử lí số liệu.- Nhận xét, giải thích được sự phân bố dân cư thông qua bản đồ, tài liệu, số liệu,...– Giải thích được một số hiện tượng về dân số trong thực tiễn.  | 5 |  |  | 2 | 1 | 1 |  | 3 |  |  |  |  | **30** |
| 2 | **Các nguồn lực, một số tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế** | -Các nguồn lực phát triển kinh tế- Cơ cấu nền kinh tế- Tổng sản phẩm trong nước và tổng thu nhập quốc gia | **Nhận biết**- Trình bày được khái niệm và phân loại các nguồn lực - Trình bày được khái niệm cơ cấu kinh tế **Thông hiểu**- Phân tích được sơ đồ nguồn lực và cơ cấu nền kinh tế.- Phân tích được vai trò của mỗi loại nguồn lực đối với phát triển kinh tế.- Phân biệt được các loại cơ cấu kinh tế theo ngành, theo thành phần kinh tế, theo lãnh thổ.- So sánh được một số tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế: tổng sản phẩm trong nước (GDP), tổng thu nhập quốc gia (GNI), GDP và GNI bình quân đầu người.**Vận dụng** - Vẽ được biểu đồ cơ cấu nền kinh tế và nhận xét, giải thích.- Liên hệ được một số tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế ở địa phương. | 2 |  |  | 2 | 1 | 1 |  | 1 |  |  |  |  | 17,5 |
| **3** | **Địa lí các ngành kinh tế** | -Nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản | **Nhận biết**- Trình bày được đặc điểm của nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản.- Trình bày được đặc điểm của các ngành trong nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản.- Trình bày được sự phân bố của một số cây trồng, vật nuôi chính trên thế giới.- Trình bày được quan niệm của tổ chức lãnh thổ nông nghiệp.**Thông hiểu**- Trình bày được vai trò của nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản.- Trình bày được vai trò của các ngành trong nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản.- Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản; - Trình bày được những định hướng phát triển nông nghiệp trong tương lai.- Giải thích được sự phân bố của một số cây trồng, vật nuôi chính trên thế giới.- Trình bày được vai trò của tổ chức lãnh thổ nông nghiệp.- Phân biệt được vai trò, đặc điểm một số hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp.**Vận dụng** - Trình bày được một số vấn đề phát triển nền nông nghiệp hiện đại trên thế giới.- Đọc được bản đồ; xử lí, phân tích được số liệu thống kê và vẽ được biểu đồ về nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản.- Vận dụng được các kiến thức đã học vào việc giải thích thực tế sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản ở địa phương.  | 5 |  |  |  |  |  |  | 4 |  |  | **1** | **1** | **52,5** |
| **Tổng số câu** | 12 |  |  | 4 | 2 | 2 |  | 8 |  |  | **1** | **1** | **30** |
| **Tổng số điểm** | 3.0 |  |  | 1,0 | 0,5 | 0,5 |  | 2 |  |  | **1** | **2.0** | **10** |
| **Tỉ lệ %** | 30 | 20 | 20 |  | **20**  | **10** | **100** |